TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /BC-LĐLĐ	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2018*

BÁO CÁO
Kết quả giám sát việc thực hiện Luật An toàn vệ sinh lao động tại 05 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 217/QĐ-TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội; Công văn số 2572-CV/TU ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về nội dung giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội năm 2018; Công văn số 822/LĐLĐ ngày 13/11/2017 của Liên đoàn Lao động tỉnh về dự kiến chương trình giám sát gián tiếp (thông qua báo cáo) đồng thời nắm bắt thông tin tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về An toàn vệ sinh lao động tại 05 doanh nghiệp, gồm: Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi, Công ty Công nghiệp Hóa chất Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, VNPT Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Xây dựng Thiên Tân; qua giám sát kết quả như sau:

I. Tình hình chung:

Trong năm 2018, nhìn chung các doanh nghiệp tuy còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng đã có nhiều cố gắng và quan tâm đến công tác An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ); từng bước đầu tư công nghệ mới nhằm làm tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện lao động, xây dựng các chính sách về ATVSLĐ gắn liền với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, sản phẩm góp phần phát triển doanh nghiệp bền vững. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về ATVSLĐ tại các doanh nghiệp vẫn còn những thiếu sót, tồn tại; vì vậy, nguy cơ tiềm ẩn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là khó tránh khỏi.

1. Thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện pháp luật về ATVSLĐ:

1.1. Thuận lợi:

- Công tác ATVSLĐ trong những năm qua luôn được Đảng Nhà nước quan tâm chỉ đạo và ban hành nhiều hệ thống văn bản pháp luật mang tính cụ thể hóa tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước dễ dàng tiếp cận để tổ chức thực hiện; các chương trình hành động, mục tiêu quốc gia về ATVSLĐ từng bước được nâng lên từ "Tuần lễ Quốc gia về An toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ" hàng năm thành "Tháng hành động về An toàn vệ sinh lao động" hàng năm, từ đó đã tác động tích cực và làm chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động.

- Trong tiến trình hội nhập,nhiều doanh nghiệp bắt đầu lấy chuẩn ATVSLĐ làm thước đo thương hiệu của đơn vị mình, đây là dấu hiệu tốt, như vậy doanh nghiệp sẽ quan tâm, cải thiện môi trường lao động trong tất cả các khâu của hoạt động sản xuất kinh doanh, quan tâm giáo dục, huấn luyện đội ngũ CBCNV thực hiện tốt hơn công tác ATVSLĐ và xây dựng văn hóa an toàn tại nơi làm việc; đầu

tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, có độ an toàn cao, giúp tăng cường an toàn trong lao động, cải thiện năng suất lao động, tăng doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố kỹ thuật, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.2. Khó khăn:

- Hệ thống pháp luật về ATVSLĐ còn chồng chéo, phân tán, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật còn chậm, gây khó khăn cho việc thực hiện ; cụ thể như: Bộ xây dựng đến nay vẫn chưa ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống giàn giáo trong xây dựng đồng thời cũng chưa có tổ chức nào thực hiện nhiệm vụ trên nên gây lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện quy định của pháp luật tại doanh nghiệp; quy định về công tác huấn luyện kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động quy định khung thời gian tổ chức huấn luyện cho 06 nhóm đối tượng làm việc trong doanh nghiệp quá nhiều (nhóm 1 và 4 thời gian huấn luyện là: 16 giờ; nhóm 2: 48 giờ; nhóm 3: 24 giờ; nhóm 5: 40 giờ; nhóm 6: 4 giờ) làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp...

- Công tác ATVSLĐ hiện nay được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật do Chính phủ, Bộ, ngành ban hành cùng với đó hệ thống quy chuẩn kỹ thuật ATVSLĐ còn chưa được rà soát chuyển đổi kịp thời đáp ứng với sự phát triển khoa học, công nghệ mới, nhiều điều khoản trong Bộ luật lao động và các luật liên quan còn chồng chéo, gây khó khăn cho việc áp dụng đối với các doanh nghiệp.

- Một số bộ phận người lao động chưa thật sự quan tâm đến việc đảm bảo ATVSLĐ, mặc dù đã được tuyên truyền để người lao động nhận thức tốt hơn về ATVSLĐ.

II. Kết quả giám sát:

2.1. Tình hình sử dụng lao động:

Tổng số lao động của 05/05 doanh nghiệp tại thời điểm các đơn vị gửi báo cáo là: 4.287 lao động.

2.2. Về công tác vệ sinh lao động:

2.2.1. Tổ chức quan trắc, kiểm tra môi trường tại nơi làm việc:

Có 05/05 doanh nghiệp thực hiện đo đạc, trong đó:

- Tổng số mẫu đo : 1012 mẫu
- Số mẫu đạt : 706 mẫu
- Số mẫu không đạt : 306 mẫu

Đối với số lao động làm việc có tiếp xúc với các yếu tố độc hại đã được người sử dụng lao động trang bị phương tiện kỹ thuật bảo vệ cá nhân, tổ chức bồi dưỡng nặng nhọc độc hại theo quy định của pháp luật.

2.2.2. Thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại và đặc biệt nặng, nhọc, độc hại nguy hiểm:

Có 05/05 doanh nghiệp thực hiện quy định về chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc độc hại nguy hiểm.

2.2.3. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động:

Trong năm 2018 có 05/05 doanh nghiệp thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ cho 2.520 người lao động, còn lại 1.767 người chưa được khám.

(Lý do: ốm đau, thai sản; nhân viên mới vào thử việc tại doanh nghiệp nên chưa thực hiện).

2.2.4. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp:

Có 05/05 doanh nghiệp thực hiện; trong đó, số người được khám là 841 người (số người lao động làm việc có tiếp xúc với các yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, chủ yếu là tiếp xúc với bụi silic, tiếng ồn, vi khí hậu). Nhờ trang bị tốt các phương tiện kỹ thuật bảo vệ cá nhân nên trong quá trình khám chưa phát hiện đối tượng bị mắc bệnh nghề nghiệp.

2.2.5. Trang bị phương tiện kỹ thuật y tế sơ cấp cứu tại chỗ, chủng loại, cơ số thiết bị, thuốc men:

Các đơn vị trang bị các dụng cụ y tế sơ cấp cứu tại chỗ với nhiều chủng loại như sau: băng tam giác, gạc tiệt trùng, ga rô cao su, kéo, bông y tế, nẹp cánh tay, nẹp cẳng tay, kim băng an toàn, thuốc sát trùng Povidine...

2.2.6. Thành lập phòng Y tế, cử cán bộ làm công tác Y tế:

Có 03/05 doanh nghiệp bố trí cán bộ y tế chăm sóc sức khoẻ cho người lao động và thành lập Phòng Y tế còn 02/05 doanh nghiệp chưa có.

(Lý do: doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chưa đủ điều kiện bố trí nhân viên y tế theo quy định tại Nghị định số 39/2016/NĐ-CP).

2.3. Công tác An toàn lao động:

2.3.1. Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn vệ sinh lao động:

Có 05/05 doanh nghiệp thành lập Hội đồng An toàn vệ sinh lao động, phòng an toàn, cử cán bộ giám sát an toàn vệ sinh lao động và thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

2.3.2. Đánh giá yếu tố rủi ro, xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp khi có tình huống xảy ra:

Có 04/05 doanh nghiệp có xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp khi có tai nạn lao động; 01/05 doanh nghiệp chưa xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp (Lý do: doanh nghiệp chỉ sản xuất một mặt hàng nên chưa xây dựng phương án)

2.3.3. Tổ chức huấn luyện an toàn lao động:

Số lao động được huấn luyện trong năm 2018: 3.866 lao động

Còn 421 lao động chưa được huấn luyện; lý do: đơn vị đã tổ chức huấn luyện năm 2017 và còn thời hạn chưa đến định kỳ huấn luyện cho một số nhóm quy định (Nhóm 1, 2, 3, 5, 6).

2.3.4. Tình hình sử dụng thiết bị, máy móc, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn:

Số thiết bị, máy móc được kiểm định: 211 thiết bị

Số lao động vận hành máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn: 503 người

2.3.5. Tình hình tai nạn lao động và giải quyết chế độ cho người lao động:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, có 5 vụ tai nạn lao động làm bị thương 5 người (xảy ra ở công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi) trong đó 03 vụ là do tai nạn giao thông trên đường từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại, 02 vụ là tai nạn trong quá trình sản xuất (1 vụ tai nạn nặng, 1 vụ tai nạn nhẹ)

2.3.6. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động:

Số lao động được trang bị: 3.421 người.

Chủng loại trang bị: gồm quần áo bảo hộ lao động, giày, dép, mũ Bảo hộ lao động, đồ mưa cho người làm việc trong mùa mưa, dây an toàn, ủng cao su, khẩu trang, găng tay và tùy theo tính chất công việc cụ thể mà công ty trang bị cho người lao động ở từng vị trí việc làm.

Còn lại 866 lao động chưa được trang bị vì số lao động này mới được tuyển dụng, thử việc.

2.3.7. Tổ chức tự kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Luật An toàn vệ sinh lao động :

05/05 doanh nghiệp tổ chức tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ doanh nghiệp tổ chức thành lập Đoàn kiểm tra 2 lần trong năm vào 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm.

III. Nhận xét:

3.1. Việc làm được:

Qua giám sát, nhìn chung các doanh nghiệp có quan tâm tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về ATVSLĐ như: quan trắc, kiểm tra môi trường tại nơi làm việc; thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại và đặc biệt nặng, nhọc, độc hại nguy hiểm; khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; kiểm định thiết bị, máy móc, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn...tiêu biểu như: Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi, VNPT Quảng Ngãi.

3.2. Những tồn tại:

- Vai trò của CĐCS trong thực hiện nhiệm vụ giám sát ở cơ sở còn hạn chế; một số đơn vị chưa chủ động phối hợp với NSDLĐ triển khai thực hiện tốt công tác ATVSLĐ tại doanh nghiệp.

- Qua giám sát gián tiếp bằng báo cáo và theo dõi nắm bắt thông tin, nhận thấy vẫn còn doanh nghiệp chưa quan tâm đúng mức về công tác ATVSLĐ, nên vẫn còn tồn tại cần phải khắc phục trong thời gian đến, như: tổ chức kiện toàn bộ máy làm công tác ATVSLĐ cơ sở, quyết định cử cán bộ giám sát ATVSLĐ tại nơi làm việc phù hợp với tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên; việc tổ chức đánh giá yếu tố rủi ro, xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp các sự cố kỹ thuật nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản đến mức thấp nhất khi có tình huống xảy ra tuy có xây dựng nhưng chưa sát với từng khâu, từng công đoạn sản xuất, các yếu tố nguy hiểm hình thành từ công nghệ, máy, thiết bị đặc biệt là đối với máy, thiết bị vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động...

IV. Kiến nghị:

4.1. Những kiến nghị, đề xuất với Đảng, nhà nước:

- Nội dung an toàn vệ sinh lao động được quy định trong Bộ luật lao động cũng được quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác như Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật khoáng sản, Luật Hóa chất, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật PCCC, Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn, Luật chuyển giao công nghệ...ít nhiều gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện. Vì vậy, cần tích hợp lại các văn bản, tránh sự chồng chéo để doanh nghiệp và người lao động dễ dàng cập nhật, theo dõi, nắm bắt thông tin.

- Cần điều chỉnh khung thời gian tổ chức huấn luyện cho 06 nhóm đối tượng làm việc trong doanh nghiệp cho phù hợp (nhóm 1 và 4 thời gian huấn luyện là: 16 giờ; nhóm 2: 48 giờ; nhóm 3: 24 giờ; nhóm 5: 40 giờ; nhóm 6: 4 giờ) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho daonh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Kiến nghị đối với doanh nghiệp được giám sát:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật lao động về công tác ATVSLĐ, chú trọng đến công tác huấn luyện ATVSLĐ cho các nhóm đối tượng 2,3, 5, 6 theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP;

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động và lưu giữ hồ sơ sức khỏe người lao động theo đúng quy định;

- Tổ chức đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ vận hành an toàn cho công nhân vận hành các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động;

- Phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động theo quy định;

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân đầy đủ, đảm bảo đúng chủng loại, chất lượng cho người lao động nhằm ngăn ngừa hiệu quả bệnh nghề nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Luật An toàn vệ sinh lao động tại 05 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi của Liên đoàn Lao động tỉnh./.

Nơi nhận:
- Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- UBMTTQVN tỉnh Quảng Ngãi;
- Thường trực LĐLĐ tỉnh;
- Các đơn vị được giám sát;
- Lưu VP, Ban CSPL.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
ỦY VIÊN

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BCH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Thị Kim Ngân